

CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA CHỦ TRƯỞNG XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC Ở NƯỚC TA

PRACTICAL FOUNDATION OF THE GUIDELINE EDUCATION SOCIALIZATION IN OUR COUNTRY

NGUYỄN VĂN ÁNG^(*)

TÓM TẮT: Mặc dù chủ trương xã hội hóa giáo dục đã được triển khai thực hiện trong 20 năm qua, song nhận thức chung về xã hội hóa giáo dục vẫn chưa thống nhất trên nhiều mặt. Phần nhiều trong xã hội vẫn chỉ hiểu xã hội hóa giáo dục đơn thuần là kêu gọi đầu tư của khu vực ngoài nhà nước đầu tư phát triển trường học các cấp. Hiểu như vậy là chưa đầy đủ. Hơn nữa, cũng chưa nhiều trong chúng ta thấy được ý nghĩa chiến lược lâu dài của xã hội hóa giáo dục; chưa thấy được những nhân tố thúc đẩy cũng như những nhân tố kìm hãm quá trình xã hội hóa giáo dục ở nước ta. Bài viết này sẽ góp phần làm sáng tỏ những bất cập trên trong quá trình xã hội hóa giáo dục, qua đó để có thể tạo sự đồng thuận cao trong xã hội trong thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục của Đảng và Nhà nước ta.

Từ khóa: cơ sở thực tiễn, xã hội hóa giáo dục.

ABSTRACT: Though laying down as a policy the socialization of education has been carried out for more than 20 years, general awareness on the education socialization yet achieved consensus on many fronts. Most acknowledge the education socialization merely as the calling for investment from non-state sectors to invest in developing schools at all levels. Such understanding is incomplete. Moreover, not much among us can foresee long-term strategic signification of the education socialization; also promoting and constraining factors to the process of education socialization in our country. This article will contribute in making clear such shortcomings in the process of education socialization in our country, thereby to create high consensus in the society in the execution of education socialization guideline of our Party and State.

Key words: practical foundation, education socialization.

1. KHÁI NIỆM XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC

Xã hội hóa giáo dục, hiểu theo nghĩa phổ biến nhất ở nước ta hiện nay, đó là quá trình huy động các nguồn lực thuộc các thành phần khác nhau trong xã hội tham gia

phát triển giáo dục cùng nhà nước. Quá trình tham gia được hiểu theo nghĩa rộng là: tham gia tổ chức và quản lý quá trình giáo dục; đưa các nguồn lực tài chính ngoài ngân sách nhà nước vào phục vụ phát triển

^(*) PGS.TS. Trường Đại học Văn Lang, Email: nguyenvanang@vanlanguni.edu.vn

giáo dục; huy động nhân lực, trí lực vào sự nghiệp phát triển giáo dục.

2. CÁC HÌNH THỨC XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC

2.1. Các nhà đầu tư thành lập trường ngoài công lập

Xã hội hóa giáo dục có thể thực hiện thông qua việc các nhà đầu tư huy động nguồn lực tài chính ngoài ngân sách của nhà nước để đầu tư phát triển các trường ngoài công lập. Nguồn tài chính ngoài ngân sách được dùng để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy và học; đào tạo đội ngũ giáo viên; trả lương, hiện các chế độ cho giáo viên và người lao động trong các trường này. Trên thực tế, đây là hình thức xã hội hóa giáo dục tương đối phổ biến ở các cấp học, nhất là trong giáo dục chuyên nghiệp và giáo dục mầm non. Trong nhận thức của xã hội, đây cũng là hình thức được nhiều người biết và chấp nhận. Từ chỗ người học hoàn toàn trông chờ vào hệ thống các trường công lập ở tất cả các bậc học, nay người học đã tin tưởng vào học tại nhiều cơ sở giáo dục ngoài công lập từ mầm non đến đại học. Trong đó tương đối phổ biến là bậc học mầm non và đại học. Tất nhiên, học phí tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập thường cao hơn các cơ sở giáo dục công lập. Tuy nhiên, do nhận thức của xã hội đã thay đổi, nên người học đã sẵn sàng trả học phí cao hơn mà hầu như không có sự phản nản nào. Đây cũng là biểu hiện cho thấy quá trình xã hội hóa giáo dục theo hình thức này đã dần được đời sống xã hội chấp nhận. Tình hình đó tạo cơ sở xã hội ngày càng vững chắc cho quá trình đẩy mạnh chủ trương xã hội hóa giáo dục ở nước ta

và khẳng định tính đúng đắn của chủ trương này của Đảng và Nhà nước ta.

2.2. Sự tham gia của các chuyên gia vào quá trình phát triển các trường học các cấp

Ngoài hình thức đầu tư trực tiếp của các nhà đầu tư để xây dựng trường và vận hành nhà trường, xã hội hóa giáo dục còn có thể được thực hiện thông qua việc huy động trí lực, nhân lực tham gia vào quá trình phát triển giáo dục. Sự tham gia này không chỉ vào các trường ngoài công lập, mà còn vào cả các trường công lập. Những hoạt động cụ thể mà các thành phần có thể tham gia trong các trường công lập như: tham gia quản trị trường, tham gia xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường, tham gia dạy học, tham gia đào tạo sau đại học cũng như các hoạt động hỗ trợ giáo dục khác. Với hình thức này, trên thực tế chủ yếu diễn ra trong các trường ngoài công lập, đặc biệt là các trường đào tạo chuyên nghiệp. Hiện nay, hầu hết các trường ngoài công lập ở nước ta đã và đang huy động các chuyên gia, giảng viên vào các hoạt động quản trị, hoạt động giảng dạy của nhà trường. Tuy nhiên, với các trường công lập ở nước ta, hầu như chưa triển khai hình thức xã hội hóa giáo dục này.

2.3. Sự đóng góp tài chính của người học

Sự đóng góp của người học qua học phí hoặc gia tăng học phí, từ đó tăng nguồn lực tài chính đầu tư cho phát triển giáo dục bên cạnh mức đầu tư không giảm của nhà nước cũng là một hình thức xã hội hóa giáo dục ở nước ta hiện nay. Thực tế đã cho thấy nếu chỉ với nguồn tài chính eo hẹp từ ngân sách nhà nước, thì các trường công lập rất khó nâng cao các điều kiện đảm bảo chất

lượng. Theo quan điểm của tác giả, bên cạnh hình thức huy động các nguồn tài chính để đầu tư xây dựng các trường ngoài công lập, cần coi đây là hình thức quan trọng để thúc đẩy xã hội hóa giáo dục ở nước ta trong những năm tới. Bởi lẽ, với các trường công lập, mức học phí mà người học đóng đã trở nên quá nhỏ để tạo nguồn thu cho việc cải thiện các điều kiện làm việc của giáo viên, giảng viên cũng như để hiện đại hóa cơ sở vật chất của các trường công lập.

Tuy nhiên, trên thực tế hình thức phổ biến và đang được tập trung khuyến khích là hình thức các nhà đầu tư thành lập, xây dựng trường và cung cấp tài chính cho toàn bộ các hoạt động trong nhà trường. Các chính sách của nước ta hiện nay đã và đang hướng khuyến khích các thành phần tham gia vào hình thức xã hội hóa giáo dục bằng

hình thức khuyến khích đầu tư phát triển các trường ngoài công lập trong khi chưa chú trọng khuyến khích đúng mức hình thức huy động sự đóng góp của người học.

3. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC Ở NƯỚC TA

Từ những năm 80 của thế kỷ trước, do nhu cầu học tập ngày càng tăng nhanh của dân cư về giáo dục đại học, trong khi ngân sách Nhà nước bị giới hạn, nên hệ thống các trường đại học ngoài công lập đã dần hình thành và từng bước phát triển. Hệ thống giáo dục đại học từ chỗ chỉ có 77 trường đại học vào năm 2002, đến năm 2014 đã có 214 trường. Sau 12 năm, số trường đại học, cao đẳng đã tăng lên hơn 2,2 lần. Theo đó quy mô sinh viên cũng không ngừng tăng lên hàng năm. Bảng sau đây cho thấy quy mô sinh viên đại học và tốc độ tăng hàng năm qua hơn 10 năm qua.

Bảng 1. Quy mô sinh viên đại học giai đoạn 2002 – 2014

Năm	Tổng số	Chia theo loại hình		
		Công lập	Ngoài công lập	
			Số lượng	% trong tổng số
2002	763.256	680.663	82.593	10,82
2006	1.087.813	949.511	138.302	12,71
2010	1.358.965	1.185.357	173.608	12,78
2014	1.461.839	1.290.756	171.083	11,70
% tăng bình quân hàng năm	5.54	5.45	6.2	

Nguồn: Niên giám thống kê giáo dục và đào tạo các năm 2002; 2006; 2010; 2014

Với quy mô đào tạo đại học tăng gần hai lần sau hơn 10 năm cho thấy nhu cầu học đại học, nhu cầu đào tạo nhân lực cho

quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế - xã hội lớn đến mức nào. Ngoài số lượng người học tăng nhanh, yêu cầu về

chất lượng cũng không ngừng tăng lên. Theo đó các điều kiện đảm bảo chất lượng như cơ sở vật chất, số lượng và chất lượng giảng viên sẽ phải được tăng cường. Quá trình đó đòi hỏi một lượng vốn rất lớn mà

nếu chỉ trông chờ vào ngân sách nhà nước sẽ không thể đáp ứng được.

Ở trình độ cao đẳng, tốc độ tăng quy mô còn cao hơn so với tốc độ tăng sinh viên đại học.

Bảng 2. Quy mô sinh viên cao đẳng giai đoạn 2002 - 2014

Năm	Tổng số	Chia theo loại hình		
		Công lập	Ngoài công lập	
			Số lượng	% trong tổng số
2002	210.863	192.466	18.397	8,72
2006	299.294	277.176	22.118	7,39
2010	597.263	492.578	104.685	17,53
2014	599.802	501.249	98.553	16,43
% tăng bình quân hàng năm	9.06	8.26	14.94	

Nguồn: Niên giám thống kê giáo dục và đào tạo các năm 2002; 2006; 2010; 2014.

Điểm khác biệt, và có lẽ cũng là điểm sáng tích cực trong cơ cấu sinh viên cao đẳng so với sinh viên đại học là tỷ trọng sinh viên cao đẳng ngoài công lập chiếm tỷ trọng cao hơn ở trình độ đại học. Đồng thời, tốc độ tăng bình quân hàng năm trong giai đoạn 2002 - 2014 của quy mô sinh viên cao đẳng cũng cao hơn tốc độ tăng bình quân hàng năm của quy mô sinh viên đại học (9,06%/năm so với 5,54%/năm). Như vậy, cho dù cơ cấu trình độ đào tạo giữa đại học và cao đẳng chưa được như mong muốn, song nếu cứ duy trì được tốc độ tăng như hơn 10 năm qua, thì tỷ lệ người lao động có trình độ cao đẳng sẽ ngày càng chiếm tỷ trọng tăng dần, và tỷ lệ người lao động có trình độ đại học sẽ giảm dần.

Với sự phát triển của các trường đại học, cao đẳng ngoài công lập hiện nay ở nước ta, hàng năm đã tạo cơ hội cho hơn 80

ngàn thanh niên có được cơ hội tiếp cận giáo dục đại học, cao đẳng. Rõ ràng nếu không có hệ thống các trường đại học, cao đẳng ngoài công lập thì hàng năm hơn 80 ngàn thanh niên đó sẽ không có cơ hội học đại học, cao đẳng. Ngoài ra, khi trong hệ thống giáo dục đại học, cao đẳng có thêm các loại hình trường mới, sự cạnh tranh giữa các trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hạ thấp chi phí đào tạo sẽ tạo ra hệ thống giáo dục năng động, có hiệu quả cao, tăng thêm các lựa chọn cho người học.

Những động thái nói trên của hệ thống giáo dục đại học, cao đẳng, một cách khái quát, đã nói lên sự cần thiết phải xã hội hóa giáo dục đại học, cao đẳng cũng như những tác động tích cực của xã hội hóa giáo dục. Suy rộng ra, với các bậc học khác, khi thực hiện xã hội hóa giáo dục cũng sẽ mang lại hiệu ứng tương tự như trong hệ thống giáo

dục đại học, cao đẳng của nước ta. Tuy nhiên, trong từng thời kỳ, chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục ở bậc học nào ở nước ta còn phải xem xét tổng thể những tác động về kinh tế - xã hội của chủ trương này. Với bối cảnh hiện nay, có lẽ cần đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục ở bậc đại học, cao đẳng. Sau này sẽ lan rộng dần xuống các bậc học phổ thông.

Có thể nói, sự hình thành của hệ thống các trường đại học, cao đẳng ngoài công lập đã mở đường cho sự phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục ngoài công lập ở các bậc học khác trong toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân. Những văn bản về chủ trương, về khung pháp lý cho các trường ngoài công lập ở các bậc học khác cũng được hình thành từ thực tiễn phát triển các trường đại học, cao đẳng ngoài công lập.

Với xu thế phát triển của thời đại, nhu cầu học đại học, cao đẳng ngày càng tăng cả về số lượng cũng như về chất lượng. Trong các bậc học phổ thông tình hình cũng diễn ra tương tự. Trong khi đó ngân sách nhà nước phải chi cho rất nhiều nhiệm vụ: chi cho y tế, môi trường, quốc phòng, an ninh..., và những nhiệm vụ đó đều cấp bách. Vì vậy, xã hội hóa giáo dục là xu thế tất yếu trong phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay cũng như về lâu dài sau này. Đó hoàn toàn không phải giải pháp tình thế, mà là giải pháp chiến lược. Cần khẳng định như vậy để có sự thống nhất và đồng thuận trong nhận thức của toàn xã hội, đồng thời tạo niềm tin cho các nhà đầu tư yên tâm đầu tư lâu dài phát triển giáo dục.

Nhu cầu thụ hưởng nền giáo dục đại học với chất lượng cao đang có xu hướng

tăng nhanh trong những năm gần đây ở nước ta trong khi có xu hướng chững lại về số lượng. Giáo dục đại học chất lượng cao, bên cạnh chất lượng đại trà, là nhu cầu chính đáng của một bộ phận dân cư có nhu cầu và khả năng chi trả. Đó là sự đa dạng của nhu cầu thị trường, và hệ thống giáo dục đại học cần đáp ứng trong điều kiện nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường ngày càng hoàn chỉnh ở nước ta. Như vậy, có thể nói, bên cạnh việc đáp ứng nhu cầu tiếp cận giáo dục đại học cho đa số dân cư có thu nhập trung bình, việc đáp ứng nhu cầu của một bộ phận dân cư có khả năng chi trả cao cho giáo dục đại học chất lượng cao chính là thực hiện công bằng trong xã hội. Để đáp ứng nhu cầu đối với giáo dục đại học chất lượng cao, đòi hỏi phải có sự đầu tư rất lớn về tài chính để đào tạo đội ngũ giảng viên, để cải thiện cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ dạy và học đại học. Chỉ có thể giải quyết được mối quan hệ này thông qua cơ chế của xã hội hóa giáo dục.

Có thể nói, xã hội hóa giáo dục ở nước ta đã và đang góp phần giải quyết nhiều vấn đề về tài chính, về xã hội. Tuy nhiên, trong thực tế phát triển các trường đại học, cao đẳng ngoài công lập cũng đã và đang phát sinh một số vấn đề cần nghiên cứu giải quyết. Vấn đề rõ nhất là, do phát triển sau, nhiều trường có tiềm lực tài chính nhỏ, nên việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, tuyển dụng hoặc đào tạo giáo viên giỏi bị hạn chế. Tình hình đó dẫn đến chất lượng đào tạo cũng bị hạn chế. Trong khi đó, do không được hỗ trợ từ ngân sách, các trường phải tự hạch toán lấy thu bù chi, nên học phí lại có phần cao hơn tại các trường công lập. Đó là mâu thuẫn. Trong khi đó, phần

lớn con em gia đình nghèo, không có điều kiện tiếp cận giáo dục phổ thông chất lượng tốt, nên lại càng khó có thể trúng tuyển vào các trường công lập có chất lượng cao hơn và học phí thấp hơn. Tình hình đó rõ ràng đang làm dãn rộng hơn khoảng cách giữa người nghèo và người giàu trong tiếp cận giáo dục đại học. Người giàu ngày càng có lợi thế để tiếp tục giàu hơn ở các thế hệ tương lai nhờ có điều kiện tiếp cận giáo dục phổ thông tốt hơn, theo đó sẽ có thể tiếp cận giáo dục đại học chất lượng cao hơn, với học phí thấp hơn. Ngược lại người nghèo ngày càng bị yếu thế để đuổi kịp người giàu cũng ở các thế hệ tương lai.

4. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC

4.1. Các nhân tố thúc đẩy nhanh tốc độ xã hội hóa giáo dục

Quá trình xã hội hóa giáo dục ở nước ta chịu tác động của nhiều nhân tố, trong đó có các nhân tố thúc đẩy nhanh xã hội hóa giáo dục. Dưới đây là một số nhân tố như vậy:

Thứ nhất, số lượng người học tăng lên khá nhanh qua các năm. Nhân tố này thể hiện rõ nét ở bậc đại học, bao gồm cả đào tạo trình độ đại học và trình độ cao đẳng. Ở các bậc học phổ thông thì nhân tố này không những không thể hiện, mà còn biểu hiện ngược lại. Ở bậc tiểu học, năm 2002 tổng số học sinh là 9.336.913 học sinh, thì đến năm 2014 chỉ còn 7.435.600 học sinh, giảm hơn 20%. Ở bậc trung học cơ sở, các số liệu và tỷ lệ tương ứng là 6.254.254; 4.932.390; và hơn 22%.

Thứ hai, yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo để đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa,

hiện đại hóa nền kinh tế - xã hội. Đây là nhân tố tác động mạnh mẽ ở tất cả các bậc học. Quy luật phát triển chung là: để nâng cao mức sống, cần không ngừng tăng năng suất lao động. Để tăng năng suất lao động phải công nghiệp hóa và hiện đại hóa nền kinh tế. Muốn vậy phải nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Điều này hoàn toàn phụ thuộc vào chất lượng giáo dục và đào tạo. Để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phải nâng cao suất đầu tư tính trên mỗi người học, bao gồm chi phí đào tạo và nâng cao trình độ cho giáo viên, giảng viên, chi đầu tư xây dựng và mua sắm cơ sở vật chất phục vụ dạy và học. Quá trình này tạo áp lực phải tăng nguồn lực tài chính từ quá trình xã hội hóa giáo dục.

Thứ ba, quá trình đổi mới, trong đó với hệ thống chủ trương và chính sách đồng bộ khuyến khích tư nhân phát triển kinh tế cũng sẽ buộc mở dần cho kinh tế tư nhân đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo. Bên cạnh đó, xu thế hội nhập quốc tế cũng là nhân tố thúc đẩy xã hội hóa giáo dục của Việt Nam.

4.2. Các nhân tố kìm hãm quá trình xã hội hóa giáo dục

Bên cạnh những nhân tố thúc đẩy quá trình xã hội hóa giáo dục, trong điều kiện của nước ta hiện nay, đang có nhiều nhân tố kìm hãm quá trình xã hội hóa giáo dục. Dưới đây có thể kê ra một số nhân tố chủ yếu đang làm chậm quá trình xã hội hóa giáo dục ở nước ta.

Thứ nhất, nhân tố lịch sử. Với nước ta, đây là nhân tố kìm hãm mạnh nhất quá trình xã hội hóa giáo dục. Sau nhiều chục năm phát triển nền kinh tế - xã hội theo mô hình chủ nghĩa xã hội dựa trên nền tảng chế

độ công hữu về tư liệu sản xuất và cơ chế vận hành kế hoạch hóa tập trung; nhà nước bao cấp trong nhiều lĩnh vực, trong đó có giáo dục và đào tạo. Đặc điểm này đã tạo ra tâm lý ỷ lại vào nhà nước trong nhiều thể hệ dân cư. Nhân tố này tác động mạnh đến những người hoạch định chính sách.

Thứ hai, nhân tố nhận thức trong những người làm công tác hoạch định chính sách. Như trên đã nói, nhiều thể hệ dân cư bị ảnh hưởng của mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu cũ. Những người xây dựng chính sách ít nhiều cũng bị ảnh hưởng bởi nhân tố đó. Sau nhiều thập niên, kinh tế tư nhân và sự tham gia của tư nhân vào sản xuất - kinh doanh, trong đó có việc cung

cấp các dịch vụ, bị coi như hoạt động bóc lột, bị coi là xấu và cần dần loại bỏ. Vì vậy, hiện nay, việc huy động tư nhân vào phát triển giáo dục vẫn bị tâm lý nghi ngại của xã hội chi phối.

Như vậy, để quá trình xã hội hóa giáo dục, trước hết trong hệ thống giáo dục đại học, cao đẳng, đạt hiệu quả cao không chỉ về khía cạnh tài chính mà còn cả về xã hội, nhà nước sẽ cần thực hiện nhiều giải pháp ở cấp độ vĩ mô, nhằm không chỉ thu hút các nguồn lực tài chính của xã hội cho phát triển giáo dục đại học, cao đẳng, mà còn giải quyết những bất cập về mặt xã hội đã và đang phát sinh trong quá trình xã hội hóa giáo dục ở nước ta.

Ngày nhận bài: 10-11-2016. Ngày biên tập xong: 18-11-2016. Duyệt đăng: 15/12/2016